

Phát triển năng lực cho sinh viên ngành Sư phạm Ngữ văn thông qua một số phương pháp dạy học môn Văn học dân gian

Phan Thị Thùy Nhung*, Phạm Thị Thu Hương*

*ThS. GV Khoa Sư phạm, Trường Đại học Khánh Hòa

Received: 7/3/2024; Accepted: 15/3/2024; Published: 22/3/2024

Abstract: To help learners actively participate in social life and avoid passivity and dependence, teaching methods in school are very important. Literature teaching also needs to change to adapt to the new context, helping learners develop comprehensive personality qualities, focusing on the ability to apply knowledge in practical situations and have the ability to solve problems in life and career. The article mentions a number of teaching methods for Folk Literature in order to develop for students majoring in Literature Education with the following competency groups: creativity, collaboration, Vietnamese communication, and aesthetic perception.

Keywords: Competence, method, teaching, literature

1. Mở đầu

Đối với đặc thù bộ môn Ngữ văn, việc phủ nhận triệt để những phương pháp dạy học truyền thống là điều thiếu thoả đáng. Bao thế hệ học sinh, sinh viên (SV) đã từng rung động với những tiết giảng văn chỉ với phương pháp thuyết trình. Tuy nhiên, ở phương pháp này chủ yếu là sự tương tác một chiều mà thiếu đi tương tác giữa học sinh với nhau, đặt người học vào thế tiếp thu thụ động; không phát triển được tính năng động, sự chủ động, tự tin; không chú ý đến việc rèn luyện kỹ năng diễn thuyết, đối thoại, tranh luận, thuyết phục. Vì vậy, dạy học môn Ngữ văn cần thay đổi để thích ứng với bối cảnh mới, giúp người học phát triển toàn diện các phẩm chất nhân cách, chú trọng năng lực vận dụng tri thức trong những tình huống thực tiễn, có năng lực giải quyết các tình huống của cuộc sống và nghề nghiệp.

Trong bài viết này, chúng tôi đề cập đến một số phương pháp dạy học bộ môn Văn học dân gian nhằm phát triển cho SV ngành Sư phạm Ngữ văn các nhóm năng lực: Năng lực sáng tạo, năng lực hợp tác, năng lực giao tiếp tiếng Việt, năng lực cảm thụ thẩm mỹ.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Phát triển năng lực sáng tạo

Năng lực sáng tạo được hiểu là sự thể hiện khả năng của người học trong việc suy nghĩ và tìm tòi, phát hiện những ý tưởng mới nảy sinh trong học tập và cuộc sống, từ đó đề xuất được các giải pháp mới một cách thiết thực, hiệu quả để thực hiện ý tưởng.

Việc hình thành và phát triển năng lực sáng tạo cũng là một mục tiêu mà môn học Văn học dân gian

hướng tới. Năng lực này được thể hiện trong việc xác định các tình huống và những ý tưởng, đặc biệt những ý tưởng được gửi gắm trong các văn bản văn học dân gian, trong việc tìm hiểu, xem xét các sự vật, hiện tượng từ những góc nhìn khác nhau, trong cách trình bày quá trình suy nghĩ và cảm xúc của SV trước một vẻ đẹp, một giá trị của cuộc sống. Năng lực suy nghĩ sáng tạo bộc lộ thái độ đam mê và khát khao được tìm hiểu của SV, không suy nghĩ theo lối mòn, theo công thức.

Tác phẩm văn học là sản phẩm của quá trình sáng tạo, có tính đa nghĩa. Việc cảm nhận và đánh giá một tác phẩm nghệ thuật cũng thay đổi theo thời gian và theo thị hiếu của từng người. Văn học rất cần có những cách nhìn mới, cách cảm mới để tìm ra những giá trị mới. Vì vậy trong quá trình dạy học giảng viên (GV) và SV có cơ hội để bày tỏ quan điểm của mình. Đây chính là lợi thế để rèn luyện năng lực sáng tạo của SV.

Một trong những yêu cầu cao trong quá trình tìm hiểu các tác phẩm văn học dân gian là SV với tư cách là người đọc, phải trở thành người đồng sáng tạo với tác phẩm (khi có được những cách cảm nhận riêng, độc đáo về nhân vật, về hình ảnh, ngôn từ của tác phẩm; có cách trình bày, diễn đạt giàu sắc thái cá nhân trước một vấn đề,...). SV có thể trình bày suy nghĩ riêng của mình, thể hiện năng lực đánh giá, phê phán một cách độc lập của mình về tác phẩm, về nhân vật.

Trong các tiết dạy về truyện dân gian, GV có thể phát triển năng lực này cho SV thông qua yêu cầu kể tiếp câu chuyện, chọn một cách kết thúc khác

cho câu chuyện, nhập vai thành một nhân vật trong truyện và kể lại câu chuyện hoặc tiến hành sân khấu hóa một tác phẩm văn học dân gian ...

Ví dụ:

1. Nếu em là Thủy Tinh, em sẽ kể lại truyện Sơn Tinh, Thủy Tinh như thế nào?

2. Cái chết của cô bé bán diêm khiến em đau xót, em hãy viết lại phần kết thúc của câu chuyện này.

3. Em hãy nhập vai cô Tấm kể chuyện đời mình.

GV cũng có thể hướng dẫn SV trình bày ý tưởng và quan điểm cá nhân trước những nhận định về vai trò và bản chất của môn học.

Ví dụ với nhận định: Ngày nay khi văn học viết đang rất phát triển thì văn học dân gian không còn phù hợp với cuộc sống hiện đại nữa. GV có thể hỏi SV ý kiến đó có đúng hay không? Giải thích vì sao? Hướng dẫn SV đưa ra ý tưởng trong việc giữ gìn và phát huy những giá trị tốt đẹp của văn học dân gian.

Với phương pháp này, GV khuyến khích được SV tự bộc lộ mình, có cách cảm, cách nghĩ độc đáo, sáng tạo, không còn bị lối tư duy thụ động, bị áp đặt, phụ thuộc vào người khác.

2.2. Phát triển năng lực hợp tác

Học hợp tác là hình thức SV làm việc cùng nhau trong nhóm nhỏ để hoàn thành công việc chung và các thành viên trong nhóm có quan hệ phụ thuộc lẫn nhau, giúp đỡ nhau để giải quyết các vấn đề khó khăn của nhau. Khi làm việc cùng nhau, SV học cách làm việc chung, cho và nhận sự giúp đỡ, lắng nghe người khác, hoà giải bất đồng và giải quyết vấn đề theo hướng dân chủ. Đây là hình thức học tập giúp người học phát triển cả về quan hệ xã hội lẫn thành tích học tập.

Năng lực hợp tác được hiểu là khả năng tương tác của cá nhân với cá nhân và tập thể trong học tập và cuộc sống. Năng lực hợp tác cho thấy khả năng làm việc hiệu quả của cá nhân trong mối quan hệ với tập thể, trong mối quan hệ tương trợ lẫn nhau để cùng hướng tới một mục đích chung. Đây là một năng lực rất cần thiết trong xã hội hiện đại, khi chúng ta đang sống trong một môi trường, một không gian rộng mở của quá trình hội nhập.

Trong Học phần Văn học dân gian Việt Nam, năng lực hợp tác thể hiện ở việc SV cùng chia sẻ, phối hợp với nhau trong các hoạt động học tập qua việc thực hiện các nhiệm vụ học tập diễn ra trong giờ học. Thông qua các hoạt động nhóm, cặp, người học thể hiện những suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về những vấn đề đặt ra, đồng thời lắng nghe những ý kiến trao đổi thảo luận của nhóm để tự điều chỉnh cá

nhân mình. Đây là những yếu tố rất quan trọng góp phần hình thành nhân cách của người học trong bối cảnh mới.

Để phát triển năng lực này, GV cần dùng phương pháp chia nhóm SV. Tiêu chí để chia nhóm tốt nhất theo khuynh hướng mà SV đưa ra khi giải quyết vấn đề. Các nhóm có quan điểm đối lập nhau có thể tranh luận, phản biện để đi tới chân lý cuối cùng. Muốn vậy, trong từng nhóm SV phải có năng lực hợp tác chặt chẽ.

Ví dụ: Khi cho SV tìm hiểu về truyện cổ tích, GV có thể đưa ra vấn đề: Có ý kiến cho rằng hành động trả thù của Tấm trong truyện Tấm Cám là quá đáng và làm mất đi tính hiền lành, nét dịu dàng của cô Tấm. Ý kiến của các nhóm về vấn đề này?

Khi GV chia nhóm theo các quan điểm đối lập, các thành viên trong nhóm phải bàn bạc, thảo luận, phân công công việc cụ thể... để có thể đưa ra được sản phẩm hoàn thiện cuối cùng. Trong hoạt động này, GV sẽ đóng vai trò là giám khảo lắng nghe và có những nhận xét, góp ý đồng thời cũng định hướng cho SV nhận thức đúng về vấn đề được đưa ra.

2.3. Phát triển năng lực giao tiếp tiếng Việt

Giao tiếp là hoạt động trao đổi thông tin giữa người nói và người nghe, nhằm đạt được một mục đích nào đó. Việc trao đổi thông tin được thực hiện bằng nhiều phương tiện, tuy nhiên, phương tiện sử dụng quan trọng nhất trong giao tiếp là ngôn ngữ. Năng lực giao tiếp do đó được hiểu là khả năng sử dụng các quy tắc của hệ thống ngôn ngữ để chuyển tải, trao đổi thông tin về các phương diện của đời sống xã hội, trong từng bối cảnh/ngữ cảnh cụ thể, nhằm đạt đến một mục đích nhất định trong việc thiết lập mối quan hệ giữa những con người với nhau trong xã hội. Năng lực giao tiếp bao gồm các thành tố: sự hiểu biết và khả năng sử dụng ngôn ngữ, sự hiểu biết về các tri thức của đời sống xã hội, sự vận dụng phù hợp những hiểu biết trên vào các tình huống phù hợp để đạt được mục đích.

Trong môn Văn học dân gian, việc hình thành và phát triển cho SV năng lực giao tiếp ngôn ngữ cũng là một mục tiêu quan trọng, Các bài đọc hiểu văn bản văn học dân gian như truyện thần thoại, truyền thuyết, cổ tích, truyện ngụ ngôn, truyện cười, tục ngữ, ca dao... cũng tạo môi trường, bối cảnh để SV được giao tiếp cùng tác giả và môi trường sống xung quanh, được hiểu thêm về phong tục, ngôn ngữ, cách cảm, cách nghĩ của người thời xưa và nâng cao khả năng sử dụng tiếng Việt văn hóa, văn học. Đây cũng là mục tiêu chi phối trong việc đổi mới phương pháp

dạy học Ngữ văn là dạy học theo quan điểm giao tiếp, coi trọng khả năng thực hành, vận dụng những kiến thức tiếng Việt trong những bối cảnh giao tiếp đa dạng của cuộc sống.

Năng lực giao tiếp trong các nội dung dạy học môn Văn học dân gian được thể hiện ở 4 kỹ năng cơ bản: *nghe, nói, đọc, viết* và khả năng ứng dụng các kiến thức và kỹ năng ấy vào các tình huống giao tiếp khác nhau trong cuộc sống. GV có thể vận dụng một trong những đặc thù của các tác phẩm văn học dân gian là gắn với môi trường diễn xướng để hướng dẫn SV phát triển khả năng giao tiếp.

Ví dụ từ một số câu ca dao như: “*Con cò bay lả bay la/ Bay từ cửa phủ bay qua cánh đồng*”, hoặc “*Yêu nhau cởi áo cho nhau/ Về nhà dỗi mẹ qua cầu gió bay*”, GV sau khi cho SV tìm hiểu giá trị nội dung và nghệ thuật của những câu ca dao đó thì có thể hướng dẫn SV thêm tiếng đệm, tiếng láy, tiếng đưa hơi để trở thành dân ca. SV sẽ rất hứng thú với phần “*tự sáng tác*” của mình, năng lực giao tiếp do đó được nâng lên đáng kể.

Ngoài ra, để hình thành và phát triển năng lực đọc – hiểu văn bản văn học dân gian cho SV, GV cần có “*chiến lược*” dạy đọc – hiểu, hướng dẫn SV đọc hiểu văn bản theo mô hình thể loại, có kỹ năng xác định yếu tố biến đổi của thể loại để quá trình tiếp nhận, khám phá giá trị tác phẩm không khuôn theo những trình tự khô cứng, bất biến, nhàm chán. Làm sao để SV có thể đọc truyện cười khác với truyện ngụ ngôn, ca dao trữ tình khác với chèo, vè dân gian... Chi khi làm chủ kỹ năng đọc, SV mới có năng lực đọc sáng tạo, mới trở thành “*bạn đọc sáng tạo*” của tác giả dân gian, và quá trình tiếp nhận tác phẩm văn học lúc đó sẽ trở thành một hành trình “*chạy tiếp sức*” của các thể hệ bạn đọc và của chính SV ấy trên con đường khám phá giá trị của tác phẩm một cách đầy đủ, sâu sắc. Ngược lại, văn học thông qua những áng văn đặc sắc về tư tưởng, tình cảm và nghệ thuật ngôn từ sẽ tác động tích cực đến hứng thú đọc sách của SV, sau đọc là viết và thảo luận, trao đổi với nhau, nhờ đó các kỹ năng giao tiếp được rèn luyện và các mục tiêu khác của môn Văn học dân gian sẽ đạt được một cách tốt hơn.

2.4. Phát triển năng lực thưởng thức văn học/cảm thụ thẩm mỹ

Năng lực cảm thụ thẩm mỹ thể hiện khả năng của mỗi cá nhân trong việc nhận ra được các giá trị thẩm mỹ của sự vật, hiện tượng, con người và cuộc sống, thông qua những cảm nhận, rung động trước cái đẹp và cái thiện, từ đó biết hướng những suy nghĩ, hành

vi của mình theo cái đẹp, cái thiện. Như vậy, năng lực cảm thụ (hay năng lực trí tuệ xúc cảm) thường dùng với hàm nghĩa nói về các chỉ số cảm xúc của mỗi cá nhân. Chỉ số này mô tả khả năng tự nhận thức để xác định, đánh giá và điều tiết cảm xúc của chính mình, của người khác, của các nhóm cảm xúc.

Năng lực cảm thụ thẩm mỹ là năng lực đặc thù của môn Ngữ văn nói chung và văn học dân gian nói riêng, gắn với tư duy hình tượng trong việc tiếp nhận văn bản văn học. Quá trình tiếp xúc với tác phẩm văn chương là quá trình người đọc bước vào thế giới hình tượng của tác phẩm và thế giới tâm hồn của tác giả từ chính cánh cửa tâm hồn của mình. Trong quá trình người học tiếp nhận tác phẩm văn chương, năng lực cảm xúc được thể hiện ở những phương diện như: SV có thể cảm nhận vẻ đẹp của ngôn ngữ văn học, biết rung động trước những hình ảnh, hình tượng được khơi gợi trong tác phẩm về thiên nhiên, con người, cuộc sống qua ngôn ngữ nghệ thuật. SV có thể nhận ra được những giá trị thẩm mỹ được thể hiện trong tác phẩm văn học: cái đẹp, cái xấu, cái hài, cái bi, cái cao cả, cái thấp hèn... từ đó cảm nhận được những giá trị tư tưởng và cảm hứng nghệ thuật mà tác giả dân gian thể hiện trong tác phẩm. Quan trọng hơn, SV có thể hiểu được những giá trị của bản thân qua việc cảm hiểu tác phẩm văn học; hình thành và nâng cao nhận thức và xúc cảm thẩm mỹ của cá nhân; biết cảm nhận và rung động trước vẻ đẹp của thiên nhiên, con người, cuộc sống; có những hành vi đẹp đối với bản thân và các mối quan hệ xã hội; hình thành thế giới quan thẩm mỹ cho bản thân qua việc tiếp nhận tác phẩm văn chương.

Từ việc tiếp xúc với các văn bản văn học, SV sẽ biết rung động trước cái đẹp, biết sống và hành động vì cái đẹp, nhận ra cái xấu và phê phán những hình tượng, biểu hiện không đẹp trong cuộc sống, biết đam mê và mơ ước cho cuộc sống tốt đẹp hơn.

Ví dụ: Khi hướng dẫn SV tìm hiểu truyện thơ “*Tiền dân người yêu*” (Truyện Thơ dân tộc Thái), GV định hướng SV bên cạnh tập trung phân tích các giá trị nội dung, nghệ thuật, ngôn ngữ, đặc điểm thi pháp của thể loại thì cần chú ý đến những hình ảnh, chi tiết mà các em cảm thấy “*đắt giá*”, gợi cảm xúc nhất. Chẳng hạn GV hướng dẫn SV tìm hiểu diễn biến tâm trạng của chàng trai trên đường tiễn người yêu về nhà chồng. Giúp SV có thể phát biểu được những cảm nghĩ, cảm xúc mà mình thấy được trong tác phẩm, hiểu sâu sắc về tâm trạng đầy mâu thuẫn

(Xem tiếp trang 244)